

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 101/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2946/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Lan A, sinh năm 1994; cư trú: Tổ dân phố B, phường C, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Xóm E, xã G, huyện H, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Australia (Úc); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp 20/8/2018 và các văn bản khác nguyên đơn là chị Đặng Lan A trình bày: Chị Lan A và anh Nguyễn Đình D kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận I, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Việt Nam một thời gian ngắn thì anh D bảo lãnh cho chị Lan A sang Úc sinh sống. Quá trình chung sống tại Úc giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Nguyên nhân chính là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Hiện tại anh D đang sinh sống tại Úc, còn chị Lan A sinh sống tại Việt Nam. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị Lan A có yêu cầu được ly hôn với anh D.

Tại văn bản ngày 08/8/2018, anh Nguyễn Đình D xác nhận mối quan hệ giữa anh và chị Lan A được xác lập như chị Lan A trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Lan A trình bày. Sau khi kết hôn, anh D sinh sống tại Úc cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lan A xin ly hôn, anh D đồng ý.

Về quan hệ nuôi con chung: Anh D và chị Lan A xác nhận quá trình chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Anh D và chị Lan A xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Lan A và anh D đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh D cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Vì lý do cá nhân không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên anh D và chị Lan A đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh D và chị Lan A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt họ.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Lan A kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận I, thành phố Hải Phòng ngày 12/12/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Hiện tại, hai bên đã sống ly thân, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất quan điểm ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của anh D và chị Lan A là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Anh D và chị Lan A xác nhận không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh D và chị Lan A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - quy định tại Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Đình D.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Anh Nguyễn Đình D và chị Đặng Lan A xác nhận không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Nguyễn Đình D và chị Đặng Lan A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Lan A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 10851 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng Chị Đặng Lan A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án, chị Đặng Lan A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ anh Nguyễn Đình D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường C, quận I, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương

